TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HS-ST
Ngày 27-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Văn D; sinh năm 1978 tại Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn V, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang Đ và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ là Đào Thị Thúy H (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 16/10/2018, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị hại: Chị Trương Thị Phương T, sinh năm 1993; địa chỉ: 7/9 B, tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1999; địa chỉ: 455 L, tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Cháu Hà Thế V, sinh ngày 18/8/2003; địa chỉ: 455 L, tổ 14, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Trương Văn D và chị Trương Thị Phương T có quan hệ quen biết với nhau thông qua mạng xã hội Zalo. Khoảng 14 giờ ngày 15/10/2018, chị T nhắn tin qua mạng xã hội Zalo hỏi mượn D 3.000.000 đồng, D trả lời nếu chị T đến nhà nghỉ để quan hệ tình dục với D thì D sẽ cho chị T mượn tiền, chị T đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô biển số 89H4-1211 đến ngã tư Lâm Nghiệp rồi gọi điện thoại cho chị T thì được chị T chỉ đường đi đến phòng trọ của chị T tại số 7/9 B, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Đến nơi, D gọi điện thoại cho chị T ra ngoài, rồi chở chị T đến nhà nghỉ tại số 455 L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. D vào thuê phòng số 8 và trả tiền thuê phòng 80.000 đồng rồi cùng chị T đi vào phòng để quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ xong, D nói chị T đi tìm quán nước để nói chuyện một lúc rồi sẽ đưa tiền cho chị T mượn nhưng chị T cho rằng D đã lừa mình nên không đồng ý. Chị T nắm cổ áo của D rồi chửi D, dẫn đến hai bên xảy ra cãi vã và xô xát. Nghe thấy ồn ào, anh Lê Văn N và cháu Hà Thế V là hai nhân viên lễ tân của nhà nghỉ đến can ngăn. Sau đó, chị T lấy điện thoại di động hiệu Oppo F3 gọi điện thoại cho người quen. Do sợ chị T gọi người đến đánh mình nên D dùng tay gạt điện thoại di động không cho chị T gọi, đồng thời nói chị T lên xe để D chở đi tìm trụ ATM rút tiền. Nghe vậy, chị T đồng ý lên xe để D chở đi. Khi chở chị T đi ra khỏi nhà nghỉ, D thấy chị T ngồi sau bấm điện thoại di động nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của chị T. Sau đó, D chở chị T đi đến khu vực đồi thông thuộc Thôn 5, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại đây, D đẩy chị T xuống xe và lấy 1 cây gỗ tròn dài 91cm, đầu to đường kính 3,1cm, đầu nhỏ bị gãy rộng 1,5cm đánh trúng vào vai phải của chị T. Chị T chụp cây và giằng co với D thì D dùng 1 cục đá kích thước (20x11x8)cm dọa đánh, chị T lùi lại bị trượt ngã xuống đất. D vứt cục đá, rồi đến dùng tay bóp cổ chị T, khi thấy chị T nằm im thì D không bóp cổ chị T nữa do sợ chị T bị chết. Lúc này, D thấy chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 của chị T rơi ra nền đất thì D lấy chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau đó, D mở điện thoại di động của chị T nhưng không được do có mật khẩu nên D tắt nguồn rồi cất giấu chiếc điện thoại ở nhà của D. Sau khi D bỏ đi, chị T đã đến Công an phường H, thành phố P trình báo. Đến 23 giờ 45 phút ngày 15/10/2018, Trương Văn D ra đầu thú và giao nộp chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3, màu vàng đồng mà D đã chiếm đoạt của chị T.

Bị cáo Trương Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 16/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra Văn bản số 135 yêu cầu định giá tài sản, tại Kết luận định giá tài sản số 163/KL-HĐĐG ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố P, kết luận: "01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng đồng,

mua năm 2017 với giá 6.900.000 đồng, sử dụng đến ngày 15/10/2018 bị chiếm đoạt, hiện đã thu hồi được; có trị giá là 2.500.000 đồng".

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trương Văn D về tội "*Cướp tài sản*" được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trương Văn D và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Văn D với mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 16/10/2018.

Về dân sự: Bị hại là chị Trương Thị Phương T đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F3 nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 1 cây gỗ khô tròn, dài 91 cm, đầu to đường kính 3,1 cm, đầu nhỏ bị gãy rộng 1,5 cm; 1 viên đá không rõ hình, kích thước (20x11x8) cm và 1 chiếc giày nữ màu xanh, trên có dính viên nhựa màu xanh.

Trả lại cho bị cáo 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại xe nữ, màu xanh, có biển số 89H4-1211, có số máy FM34D104483, số khung B4DP104483 (Xe đã qua sử dụng, xe cũ nát, thiếu các bộ phận xe, không khởi động được, không có chìa khóa xe).

Về án phí: Buộc bị cáo Trương Văn D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn D thống nhất như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối hận về những hành vi sai trái của mình; xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh

Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trương Văn D phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 15/10/2018, tại khu vực đồi thông thuộc Thôn 5, xã D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo Trương Văn D đã có hành vi dùng vũ lực để chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 có giá trị 2.500.000 đồng của chị Trương Thị Phương T. Đến 23 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo D ra đầu thú và giao nộp vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt với chị T trong chuyện tình cảm và nghi ngờ chị T nhắn tin, gọi điện thoại cho người khác đến đánh bị cáo, mà bị cáo dùng cây gỗ đánh, dùng cục đá đe dọa và dùng tay bóp cổ chị Trương Thị Phương T, rồi chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 có giá trị 2.500.000 đồng của chị T rồi tẩu thoát, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội: *"Cướp tài sản"* quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã sử dụng cây gỗ đánh và dùng đá để đe dọa chị T, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng, đó là: ***"Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác"*** quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử đối với bị cáo về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về dân sự: Quá trình tham gia tố tụng, bị hại là chị Trương Thị Phương T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề này.

[6] Về vật chứng vụ án:

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại xe nữ, màu xanh, có biển số 89H4-1211, có số máy FM34D104483, số khung B4DP104483 thu giữ của bị cáo Trương Văn D. Lẽ ra, việc bị cáo sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội, phải bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Song, xét hoàn cảnh của Trương Văn D, đây là tài sản và là phương tiện đi lại duy nhất của bị cáo, tịch thu sung công sẽ khiến bị cáo gặp nhiều khó khăn trong việc kiếm sống, tái hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành xong hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định trả lại xe mô tô biển số 89H4-1211 cho bị cáo để tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo tái hòa nhập xã hội sau này.

Đối với cây gỗ khô tròn dài 91cm, đầu to đường kính 3,1cm, đầu nhỏ bị gãy rộng 1,5cm và viên đá không rõ hình, kích thước (20x11x8) cm. Đây là công cụ mà bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội với chị T, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 1 chiếc giày nữ màu xanh là tài sản của chị T nhưng chị T không nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với hành vi đánh và bóp cổ rồi chiếm đoạt tài sản của chị Trương Thị Phương T. Do chỉ bị thương tích nhẹ nên chị T không đi điều trị. Ngày 28/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra Quyết định trưng cầu giám định tổn hại sức khỏe của chị T. Tuy nhiên, ngày 29/10/2018, chị T đã có đơn từ chối giám định tổn hại sức khỏe nên không có căn cứ để xử lý bị cáo về hành vi cố ý gây thương tích với chị T.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trương Văn D.

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội *"Cướp tài sản"*.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trương Văn D 07 (*bảy*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 1 cây gỗ khô tròn, dài 91 cm, đầu to đường kính 3,1 cm, đầu nhỏ bị gãy rộng 1,5 cm; 1 viên đá không rõ hình, kích thước (20x11x8) cm và 1 chiếc giày nữ màu xanh, trên có dính viên nhựa màu xanh.

Trả lại cho bị cáo 1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsel, loại xe nữ, màu xanh, có biển số 89H4-1211, có số máy FM34D104483, số khung B4DP104483 (Xe đã qua sử dụng, xe cũ nát, thiếu các bộ phận xe, không khởi động được, không có chìa khóa xe).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2019 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai)

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- UBND xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền